

Làm ơn hướng dẫn cho tôi được không? 教えてくださいませんか?

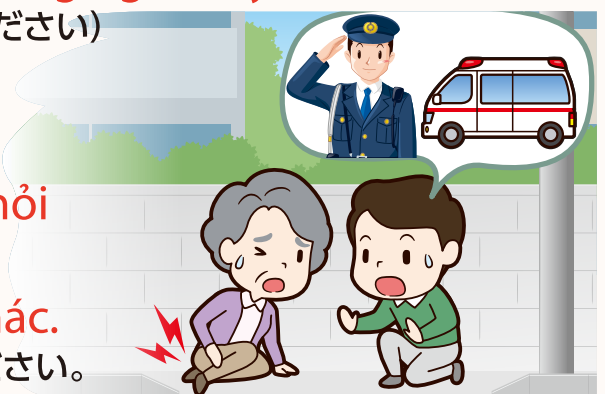
Hỏi 質問

- Làm ơn chỉ cho tôi đồn cảnh sát(bốt cảnh sát) khu vực gần nhất
近くの警察署(交番等)を教えてくださいませんか。
- Tôi đang gặp khó khăn
いま困っています。
- Tôi đang bị lạc đường
道に迷いました。
- Tôi muốn đi ()
()に行きたいのですが。
- Tôi bị ốm
病気になりました。
- Tôi đang bị thương
怪我をしています。
- Hãy gọi giúp tôi cảnh sát
警察官(救急車)を呼んでください。



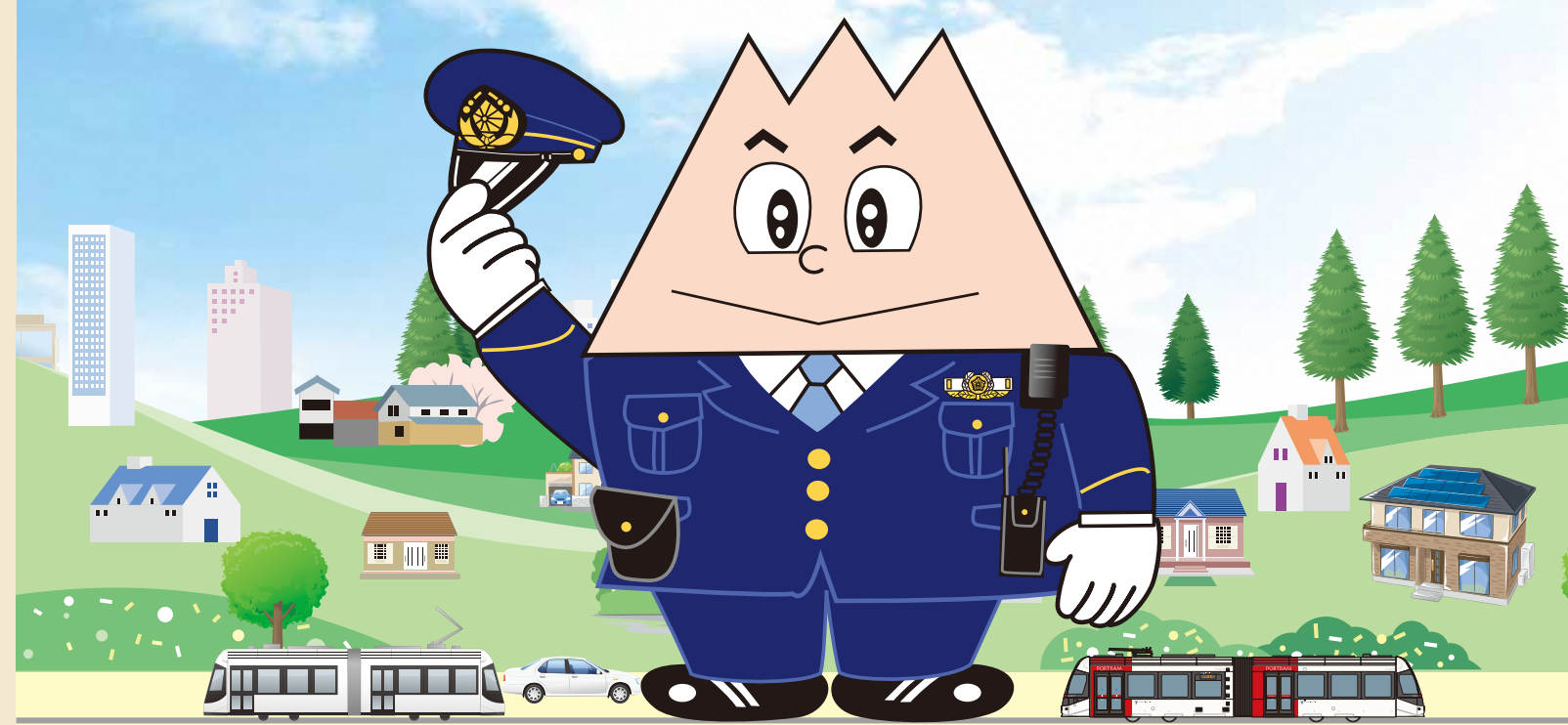
Trả lời 返答

- Ở kia (Hãy chỉ bằng ngón tay)
あそこです。(指さしてください)
- Đó là chỗ đây (Hãy mở bản đồ dùng ngón tay chỉ vào nơi đó)
それは、ここです。(地図を指さしてあげてください)
- Tôi hướng cho. Hãy đi theo tôi.
案内してあげます。ついてきてください。
- Hãy chờ tôi một chút. Để tôi sẽ hỏi
少し待っていてください。尋ねてきます。
- Tôi không biết. hãy hỏi người khác.
よく分かりませんので、他の人に聞いてください。
- Tôi đưa bạn đến đồn cảnh sát(bệnh viện) Hãy đi theo tôi.
警察署(病院)に連れて行ってあげます。ついてきてください。
- Tôi gọi cảnh sát(xe cứu thương) Hãy ở đó chờ tôi.
警察官(救急車)を呼んでください。ここにいてください。



Sách dùng cho người nước ngoài sống trên đất nước Nhật (tiếng Việt)

外国人のための生活安全パンフレット(ベトナム語)



富山県警察シンボルマスコット『立山くん』

Sách này thích hợp và được áp dụng cho người nước ngoài, đang cư trú ở tỉnh Toyama.

このパンフレットは、富山に住む外国人の方々が、犯罪や事故に遭わないように準備されたものです。

Thông báo cho cảnh sát1
警察への届け出

Quy tắc sinh hoạt hàng ngày2
日常生活に関するルール

An toàn giao thông3
交通安全について

An toàn sinh hoạt5
生活安全について

Đồn cảnh sát nơi bạn đang cư trú6
あなたの地域の警察

地域の力で「安全で安心して暮らせるまちづくり」

Cảnh sát tỉnh Toyama
富山県警察

Thông báo cho cảnh sát <<<<< 警察への届け出

1 Thông báo khẩn cấp 緊急時の届け出

Thông báo gọi điện số 110
Nếu bạn bị cướp gây thương tích hoặc bị ăn trộm thì gọi cảnh sát(số110)và thông báo ngay.
110番通報
傷害、強盗等犯罪被害に遭った場合は、すぐに110番をダイヤルし、警察に通報して下さい。



Lúc gọi cảnh sát, thông báo những điều dưới đây.

- ① Gặp điều gì (bị trấn, ăn cắp, tai nạn)
- ② Xảy ra khi nào, ở đâu.
- ③ Kẻ xấu đó có bao nhiêu người, tuổi, hình dạng, ăn mặc...
- ④ Kẻ đó đã chạy trốn như thế nào.nếu đi xe ô tô: biển số, màu xe, tên xe, hãng xe...
- ⑤ Chạy trốn hướng nào, đường nào, tên đường
- ⑥ Họ tên, địa chỉ, số điện thoại, tên công ty...

110番に電話をかけたら、次のことを伝えます。

- ① 何があったのか (盗難や交通事故といった事件やその詳細)
- ② いつ、どこでおきたのか
- ③ 犯人は何人か、人相、着衣、年齢、特徴について
- ④ 犯人の逃走手段は何か
車による場合は、車の色、ナンバー、メーカーについて
- ⑤ どの方向へ逃げたのか、通りの名前など
- ⑥ あなたの名前、住所、電話番号、勤務先について

Thông báo gọi điện số 119
Trong trường hợp dưới đây, hãy gọi điện số 119
• Phải cần đi khám bệnh ngay vì có người bị bệnh cấp
• Phải cần đi khám bệnh ngay vì có người bị thương
• Phải gọi xe cứu hỏa vì hỏa hoạn đang xảy ra.

119番通報
以下の場合には119番をダイヤルして下さい。
・急病人がいて、すぐに病院に行く必要がある。
・けが人がいて、すぐに病院に行く必要がある。
・火事で、消防車を呼ぶ必要がある。



Số 119 là số sở cứu hỏa

- ・Sở trên sẽ phái xe cấp cứu hoặc điều xe cứu hỏa. Khi đang điện thoại với số 119, Hãy thông báo yêu cầu của bạn

緊急電話119は消防の電話番号です。
救急車または消防車を派遣します。

- ・119番につながってから、救急車等が必要な旨を伝えてください。

※Số 110 và số 119 là số điện thoại khẩn cấp.
Ngoài khi khẩn cấp ra, không nên gọi số trên.

※110番、119番は緊急電話番号です。
緊急時以外には使用しないでください。

2 Cách thông báo về đồ đánh mất và đồ nhặt. . . 落とし物、拾い物の届け出

Nơi bạn cư trú có đồn cảnh sát, chốt cảnh sát, trạm cảnh sát.
Khi bạn có vấn đề như bị đánh mất.v.v..Hãy đến chốt cảnh sát để thông báo.

警察署、交番、駐在所などが各地域にあります。
落とし物等困りごとがあるときは交番等を訪れて届け出ましょう。



Khi bạn mất cái gì đó.

- ・Hãy nhờ cảnh sát tạo bản tài liệu về việc mất của bạn. Bạn hãy để lại tự xin thông báo bằng điện thoại. Nếu đồ bạn mất được phát hiện thì cảnh sát gọi cho bạn và trả đó.

何かをなくしたとき

- ・遺失届を作成してもらいましょう。電話でも届け出が出来ます。発見されたら、連絡があり受け取ることが出来ます。



Khi lấy đồ nhặt.

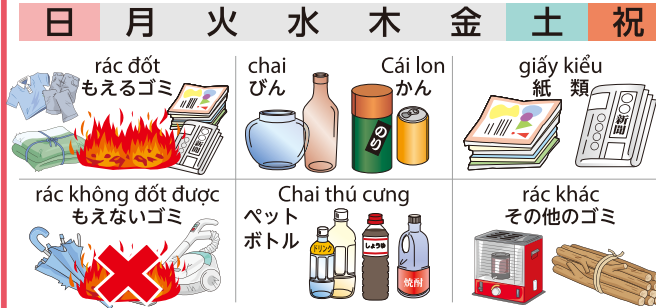
- ・Phải thông báo trong vòng dưới 7 ngày. Cảnh sát giữ đồ nhặt.nếu phát hiện người sở hữu thì sẽ trả đồ nhặt cho người trên.Nếu quá 7 ngày thì có khả năng bạn bị phạt.

落とし物を見つけたとき

- ・7日以内に届け出て下さい。警察で預かります。持ち主がわかれば、警察から持ち主に返します。届け出ない場合罰せられる場合があります。

Quy tắc sinh hoạt <<<<< 日常生活に関するルール

1 Quy tắc về rác ごみについてのルール



Hãy xác nhận quy định cách vứt rác bạn cư trú.

- ・Hãy tuân theo "ngày vứt rác"
- ・Hãy tuân theo "nơi vứt rác"
- ・Hãy tuân theo "các loại bạn có thể vứt rác"

居住する地域のごみ捨てのきまりを確認しましょう。

- ・ごみを捨てる日(曜日)を守りましょう。
- ・ごみを捨てる場所を守りましょう。
- ・捨てるごみの種類を守りましょう。



Cấm mang rác người khác vứt về nhà tùy tiện.

- ・Những rác được vứt tại nơi thu gom tập thể là của người quản lý khu vực vứt rác
- ・Cấm mang rác về tùy tiện

捨てるあるものを勝手に持ち去ってはいけません。

- ・ごみ収集場に捨ててあるものは、ごみ収集場の管理者のもので。
- ・ごみ収集場から勝手に持ち去ってはいけません。



Cấm vứt rác ở khu vực không quy định.

- ・Cấm vứt rác vào nơi công cộng.
- ・Cấm vứt rác vào công viên, trên đường, núi, sông.v.v..
- ・Hãy tuân thủ theo quy tắc cách vứt rác như đồ điện tử và rác to quá

決められた場所以外にごみを捨ててはいけません。

- ・ごみの投げ捨てをしてはいけません。
- ・空き地や道路、山、川などに捨ててはいけません。
- ・家電製品や粗大ごみは決められた処分方法で。



Cấm đốt cháy rác bạn không cần.

- ・Đốt cháy rác là hành động trái phép
- ・Khi vứt rác, bạn phải vứt theo quy định pháp luật.

いらなくなったごみを燃やしてはいけません。

- ・ごみを燃やすことは違法行為です。
- ・不要になったものは、ルールを守って処分しましょう。

2 Hộ chiếu và thẻ cư trú パスポートと在留カード

Khi đi ra ngoài, hãy luôn mang theo thẻ cư trú.
Khi cảnh sát yêu cầu thẻ xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ cư trú, hãy hợp tác với cảnh sát.

外出の際は、必ず在留カードを携帯して下さい。
警察官からパスポート若しくは在留カードの呈示を求められたときは必ず見せて下さい。



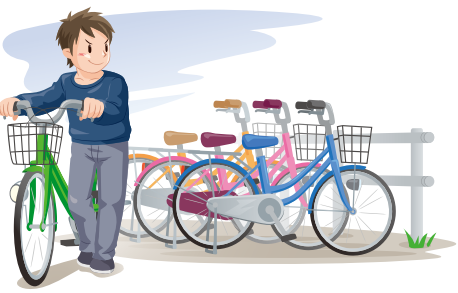
3 Hãy cẩn thận tiếng ồn 騒音に気を付けましょう

Hãy cẩn thận trong sinh hoạt không nên xảy ra tiếng nói chuyện to quá.Vì nó làm phiền cho người cư dân trong khu vực. Đặc biệt là buổi đêm khuya.

大声や大きな音を出すと近所迷惑となるので気を付けましょう。
特に夜間は、静かにしましょう。



1 Để phòng chống tội phạm 防犯のために



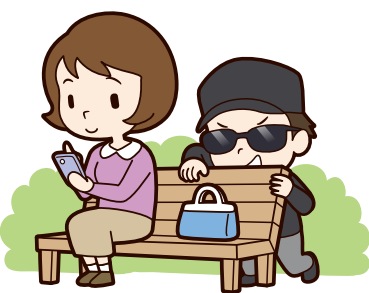
Bị mất trộm xe đạp

- Khi đỗ xe đạp phải khoá kếp.
- Khi mua xe đạp cần phải giữ "Đăng ký chống tội phạm"
- Không nên giữ đồ quý trong giỏ xe đạp.



Xâm nhập

- Khi đi ra khỏi nhà phải khoá.
- Trước khi đi ngủ phải khoá lại
- Khi thấy kẻ tình nghi phải thông báo cảnh sát.



Bị ăn trộm

- Không nên rời mắt khỏi túi xách của mình
- Đeo đồ quý với cơ thể luôn.

自転車盗

- 自転車等を駐輪する時は二重ロックする。
- 購入した際は防犯登録し番号を控えておく。
- 車内（かご）に貴重品を置かない。

侵入盗

- 外出する時は必ず鍵を掛ける。
- 寝る前にも鍵掛けチェックする。
- 不審者がいたら警察に通報する。

置き引き

- バッグから目を離さない。
- 貴重品は常に身に付けておく。

2 Khi xảy ra trộm cắp làm thế nào 盗難被害に遭ったとき



- Hãy gọi báo và đợi cảnh sát đến tại hiện trường
- Giữ nguyên hiện trường. không được động vào hay dọn dẹp.
- Kiểm tra xem đã bị mất gì.
- 警察を呼び、警察が現場に到着するまで待機する。
- 被害現場はそのままにしておき、片づけない。
- 何が盗まれたか確認する。

3 Để tránh bị cuốn tội phạm ~ Hành động dưới đây là tội phạm ~ 犯罪に巻き込まれないために ~次のような行為は犯罪~



- Làm,buôn bán hoặc nhượng số tài khoản và thẻ ngân hàng cho người khác.
- □座通帳・キャッシュカードの売買、人への譲渡



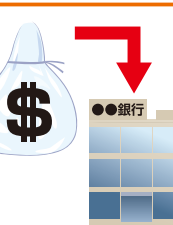
- Thuốc phiện(cần sa,heroin), Thuốc kích thích(ma túy, MDMA), Đánh bạc trái phép.
- 違反薬物、違法ギャンブル



- Buôn bán điện thoại trái phép.
- 携帯電話の不正な売買



- Hoạt động ngoại khóa.
- 資格外活動



- Chuyển tiền trái phép vào tài khoản ngân hàng.
- 銀行口座への不正送金



1 Để chuẩn bị khẩn cấp 緊急時に備えて



- Liên lạc cho cảnh sát
- Liên lạc khẩn cấp...gọi điện 110
- 警察の連絡先
- 緊急の場合…110番通報



- Chuẩn bị trước
- Trước hết phải tìm hiểu vị trí, đồn cảnh sát bố cảnh sát gần nhất.
- Nếu có người thân, bạn người quản lý là người Nhật. cũng cần ghi sẵn tên, tuổi nghề nghiệp số điện thoại nơi làm việc, địa chỉ để tiện trình báo cho cảnh sát.
- Nên ghi sẵn tên, tuổi nghề nghiệp số điện thoại nơi làm việc, địa chỉ bằng tiếng Nhật, vào tờ giấy hoặc sổ tay để tiện trình báo với cảnh sát
- 事前の準備
- 最寄りの警察署や交番の場所を確認してください。
- 日本人の知人の住所、電話番号のメモを準備してください。
- 警察に連絡するために必要な日本語のメモを準備してください。

2 Đồn cảnh sát nơi bạn cư trú あなたの地域の警察署

đồn cảnh sát thoại 警察署	trụ sở(nơi bạn cư trú) 管轄 (あなたの地域)	số điện 電話番号
Nyuzen Police Station 入善警察署	Nyuzen Town, Asahi Town 入善町、朝日町	0765-72-0110
Kurobe Police Station 黒部警察署	Kurobe City 黒部市	0765-54-0110
Uozu Police Station 魚津警察署	Uozu City 魚津市	0765-24-0110
Namerikawa Police Station 滑川警察署	Namerikawa City 滑川市	076-475-0110
Kamiichi Police Station 上市警察署	Kamiichi Town,Tateyama Town, Funahashi Village 上市町、立山町、舟橋村	076-472-0110
Toyama-chuo Police Station 富山中央警察署	Northern Toyama City 富山市北部	076-444-0110
Toyama-minami Police Station 富山南警察署	Southern Toyama City(East Side of Jinzu River) 富山市南部 (神通川の東側)	076-420-0110
Toyama-nishi Police Station 富山西警察署	Southern Toyama City(West Side of Jinzu River) 富山市南部 (神通川の西側)	076-466-0110
Imizu Police Station 射水警察署	Imizu City, Takaoka City(Makino Region) 射水市、高岡市牧野地区	0766-83-0110
Takaoka Police Station 高岡警察署	Takaoka City(except Makino Region) 高岡市 (牧野地区を除く)	0766-23-0110
Himi Police Station 氷見警察署	Himi City 氷見市	0766-91-0110
Tonami Police Station 砺波警察署	Tonami City 砺波市	0766-32-0110
Nanto Police Station 南砺警察署	Nanto City 南砺市	0766-52-0110
Oyabe Police Station 小矢部警察署	Oyabe City 小矢部市	0766-67-0110